

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
**Về thông số kỹ thuật khu nước trước Cầu cảng số 1,
cầu Cảng số 2, Cầu cảng số 3 thuộc Bến cảng Tân Cảng Hiệp Phước**

Vùng biển: Vùng nước cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên luồng: Luồng hàng hải Soài Rạp.

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải; Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực hàng hải;

Căn cứ Đơn đề nghị công bố Thông báo hàng hải số 1121/ĐN-TCHP ngày 03/12/2025 của Công ty CP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước.

Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh thông báo về thông số kỹ thuật khu nước trước Cầu cảng số 1, Cầu cảng số 2, Cầu cảng số 3 thuộc Bến cảng Tân Cảng Hiệp Phước như sau:

Trong phạm vi khảo sát khu nước trước Cầu cảng số 1, Cầu cảng số 2, cầu cảng số 3 thuộc Bến cảng Tân Cảng Hiệp Phước được giới hạn bởi các điểm có tọa độ như sau:

1. Phạm vi khảo sát khu nước trước cảng cầu cảng số 1 được giới hạn bởi các điểm tọa độ như sau:

- Khu vực số 1: Khu nước trước Cầu cảng số 1 được giới hạn bởi các điểm như sau:

| Tên điểm | Hệ VN-2000 | | Hệ WGS-84 | |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
| | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ |
| B2 | 10°38'52,26"N | 106°44'41,16"E | 10°38'48,59"N | 106°44'47,58"E |
| B3 | 10°38'51,69"N | 106°44'39,15"E | 10°38'48,02"N | 106°44'45,58"E |
| B4 | 10°38'55,26"N | 106°44'35,41"E | 10°38'51,59"N | 106°44'41,84"E |
| B4' | 10°38'55,83"N | 106°44'37,42"E | 10°38'52,16"N | 106°44'43,84"E |

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 4,01 m.

- Khu vực số 2: Khu nước trước Cầu cảng số 1 được giới hạn bởi các điểm như sau:

| Tên điểm | Hệ VN-2000 | | Hệ WGS-84 | |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
| | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ |
| B4 | 10°38'55,26"N | 106°44'35,41"E | 10°38'51,59"N | 106°44'41,84"E |
| B5 | 10°39'01,18"N | 106°44'29,21"E | 10°38'57,52"N | 106°44'35,63"E |
| B6 | 10°39'03,19"N | 106°44'29,71"E | 10°38'59,52"N | 106°44'36,14"E |
| B4' | 10°38'55,83"N | 106°44'37,42"E | 10°38'52,16"N | 106°44'43,84"E |

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 6,03 m.

- Khu vực số 3: Khu nước trước Cầu cảng số 1 được giới hạn bởi các điểm như sau:

| Tên điểm | Hệ VN-2000 | | Hệ WGS-84 | |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
| | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ |
| B4' | 10°38'55,83"N | 106°44'37,42"E | 10°38'52,16"N | 106°44'43,84"E |
| B6 | 10°39'03,19"N | 106°44'29,71"E | 10°38'59,52"N | 106°44'36,14"E |
| B7 | 10°39'09,07"N | 106°44'31,19"E | 10°39'05,40"N | 106°44'37,62"E |
| B4'' | 10°38'57,75"N | 106°44'44,19"E | 10°38'54,08"N | 106°44'50,61"E |

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 6,17 m.

- Khu vực số 4: Khu nước trước Cầu cảng số 1 được giới hạn bởi các điểm như sau:

| Tên điểm | Hệ VN-2000 | | Hệ WGS-84 | |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
| | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ |
| B1 | 10°38'54,26"N | 106°44'48,20"E | 10°38'50,59"N | 106°44'54,62"E |

| | | | | |
|------|---------------|----------------|---------------|----------------|
| B2 | 10°38'52,26"N | 106°44'41,16"E | 10°38'48,59"N | 106°44'47,58"E |
| B4' | 10°38'55,83"N | 106°44'37,42"E | 10°38'52,16"N | 106°44'43,84"E |
| B4'' | 10°38'57,75"N | 106°44'44,19"E | 10°38'54,08"N | 106°44'50,61"E |

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 6,17 m.

2. Phạm vi khảo sát khu nước trước cảng Cầu cảng số 2 được giới hạn bởi các điểm toạ độ như sau:

| Tên điểm | Hệ VN-2000 | | Hệ WGS-84 | |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
| | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ |
| S4 | 10°38'47,23"N | 106°44'36,07"E | 10°38'43,56"N | 106°44'42,50"E |
| S5 | 10°38'46,96"N | 106°44'35,78"E | 10°38'43,29"N | 106°44'42,20"E |
| S6 | 10°38'46,23"N | 106°44'35,95"E | 10°38'42,56"N | 106°44'42,37"E |
| S7 | 10°38'45,59"N | 106°44'36,10"E | 10°38'41,92"N | 106°44'42,52"E |
| S8 | 10°38'50,24"N | 106°44'41,15"E | 10°38'46,57"N | 106°44'47,57"E |
| S9 | 10°38'50,65"N | 106°44'39,79"E | 10°38'46,98"N | 106°44'46,21"E |

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 2,03 m.

3. Phạm vi khảo sát khu nước trước cảng Cầu cảng số 3 được giới hạn bởi các điểm toạ độ như sau:

| Tên điểm | Hệ VN-2000 | | Hệ WGS-84 | |
|----------|---------------|----------------|---------------|----------------|
| | Vĩ độ | Kinh độ | Vĩ độ | Kinh độ |
| S1 | 10°38'42,52"N | 106°44'31,92"E | 10°38'38,86"N | 106°44'38,35"E |
| S2 | 10°38'43,56"N | 106°44'31,68"E | 10°38'39,90"N | 106°44'38,11"E |
| S3 | 10°38'47,32"N | 106°44'35,76"E | 10°38'43,65"N | 106°44'42,19"E |
| S4 | 10°38'47,23"N | 106°44'36,07"E | 10°38'43,56"N | 106°44'42,50"E |
| S5 | 10°38'46,96"N | 106°44'35,78"E | 10°38'43,29"N | 106°44'42,20"E |

| | | | | |
|----|---------------|----------------|---------------|----------------|
| S6 | 10°38'46,23"N | 106°44'35,95"E | 10°38'42,56"N | 106°44'42,37"E |
|----|---------------|----------------|---------------|----------------|

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước “số 0 Hải đồ” đạt 1.20 m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Tàu thuyền căn cứ Thông báo hàng hải, bình đồ độ sâu và thông báo điều kiện khai thác của Bến cảng Tân Cảng Hiệp Phước để điều động tàu thuyền vào, rời, khai thác tại bến cảng an toàn./.

Ghi chú:

Số liệu độ sâu căn cứ bình đồ độ sâu ký hiệu TCHP/2025/TBHH số TCHP-01 tỷ lệ 1/1000 do Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật khảo sát biển Phương Nam hoàn thành tháng 11/2025, được Công ty CP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước cung cấp (truy cập theo đường dẫn <https://byvn.net/VEBz> hoặc mã QR đính kèm).

Để biết thêm thông tin chi tiết về số liệu độ sâu, đề nghị liên hệ Công ty CP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước (đơn vị chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu tại bình đồ độ sâu đã cung cấp đề nghị công bố Thông báo hàng hải).

Nơi nhận:

- Cục HH và ĐT Việt Nam (để b/c);
- Giám đốc (để b/c);
- Phó Giám đốc: N.Q.Hung, T.M.Trí, L.V.Thức, N.G.Nam, V.D.Nhân;
- Bộ Tư lệnh Hải quân;
- Bộ Tư lệnh Cảnh sát biển;
- BCH Bộ đội Biên phòng Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh;
- Sở NN&MT Tp. Hồ Chí Minh;
- Chi cục Hàng hải và Đường thủy phía Nam;
- Các Cảng vụ Hàng hải, Cảng vụ ĐTNĐ;
- Cty TNHH MTV-Tcty BĐATHH Việt Nam;
- Cty TNHH MTV HTHH miền Nam;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu Tân Cảng;
- Trung tâm UPSCTD khu vực miền Nam;
- Đài tiếng nói nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh;
- Cty TNHH MTV Thông tin ĐTHH Việt Nam;
- Cty CP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước;
- Các Doanh nghiệp chủ tàu;
- Các Doanh nghiệp vận tải biển, vận tải thủy;
- Các Doanh nghiệp dịch vụ hàng hải;
- Các Doanh nghiệp đại lý tàu biển;
- Các Đại diện: Hiệp Phước, Cần Giờ, Long An, Vũng Tàu, Thị Vải, Côn Đảo (để ph/h);
- Các Phòng: AT-ANHH, ĐPGTHH, TTTT (để ph/h);
- Website Cảng vụ HH TP.HCM;
- Lưu: VT, QLKCHT(Đăng).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Huy Toàn

